

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 29/01/2018
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thùy Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thận

Ông Nguyễn Quang Liêu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ninh Thị Nguyên Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 198/HNGĐ-ST, ngày 07 tháng 7 năm 2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 28/2017/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Điều D; Sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Sơn Tân, xã P, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Chị Thái Thị Huyền V; Sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Sơn Tân, xã P, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2017, quá trình thụ lý vụ án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Điều D trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh Điều D và chị Thái Thị Huyền V tự nguyện chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V không lo làm ăn, tham gia chơi cờ bạc, bỏ bê con cái, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Anh D đã góp ý rất nhiều lần nhưng chị V vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Chị V thường xuyên bỏ nhà đi sống lang thang từ năm 2013, đến năm 2016 thì vào trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp tại huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước để cải tạo bản thân. Từ đó

vợ chồng sống ly thân liên tục cho đến nay. Quá trình sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, hạnh phúc gia đình không còn. Vì vậy, anh D thấy không còn tình cảm với chị Thái Thị Huyền V nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng cho anh D được ly hôn với chị Thái Thị Huyền V.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nong H, sinh ngày 22/11/2005 và cháu Nong Bu N, sinh ngày 27/01/2007. Nguyên vọng của anh D sau khi ly hôn là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 cháu cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình thụ lý vụ án anh D cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: trích lục kết hôn số 354 ngày 26/6/2017; bản sao giấy khai sinh của hai con chung, bản sao chứng minh nhân dân của anh D và bản sao sổ hộ khẩu của gia đình anh D. Ngoài ra không có tài liệu gì thêm.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị V.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Điều D và chị Thái Thị Huyền V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, đối chiếu với trích lục kết hôn do anh D giao nộp hợp pháp tại Tòa án, căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Điều D và chị Thái Thị Huyền V là hợp pháp

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời trình bày của anh Điều D, trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V bỏ bê con cái, không quan tâm cuộc sống gia đình, thường xuyên đi chơi, tham gia chơi cờ bạc. Cả anh D cùng họ hàng và địa phương đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị V vẫn không thay đổi bản tính. Do không thể tiếp tục chung sống, anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 liên tục đến nay, trong quá trình sống ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc tới ai, kinh tế độc lập. Anh D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đến nay đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thái Thị Huyền V. Phía chị V từ ngày 10/8/2017 chị thôi hưởng chế độ nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân hiệp, có về lại địa phương xã P huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước nhưng cũng không sinh sống ổn định tại địa phương. Qua lời khai của người làm chứng anh B và chị Thị A thì chị V

có biết việc anh D làm đơn ly hôn với chị tại Tòa án huyện Bù Đăng và Tòa án đã triệu tập chị rất nhiều lần để làm việc nhưng chị V cũng không đến Tòa án. Ngoài ra, anh B và chị Thị A khẳng định trong thời gian sinh sống tại địa phương giữa anh D và chị V có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị V không lo làm ăn mà thường xuyên đi chơi, tham gia chơi cờ bạc, gia đình và địa phương đã nhiều lần khuyên nhủ chị V nhưng chị không thay đổi. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa anh D và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

[2] Về con chung: Anh D và chị V có 02 con chung là cháu Nong H, sinh ngày 22/11/2005 và cháu Nong Bu N, sinh ngày 27/01/2007. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh D giữ nguyên yêu cầu tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 con chung. Chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc nhưng chị V đều vắng mặt không lý do. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Ý và cháu N thì các cháu đều có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục chung sống với anh D. Hội đồng xét xử, xét thấy, hiện nay các cháu Nong H và cháu Nong Bu N đang được anh D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Để các cháu ổn định cuộc sống cũng như trong sinh hoạt bình thường hiện nay và qua nguyện vọng của các cháu thì cần chấp nhận yêu cầu của anh D và giao các cháu là Nong H, sinh ngày 22/11/2005; Nong Bu N, sinh ngày 27/01/2007 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con phía anh D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh D phải nộp theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Anh D được ly hôn với chị Thái Thị Huyền V.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung là các cháu Nong H, sinh ngày 22/11/2005; Nong Bu N, sinh ngày 27/01/2007 cho anh D trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về yêu cầu cấp dưỡng: anh D không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Quyền và N vụ của cha, mẹ và con chung được thực hiện theo các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh Điều D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021386 ngày 07/7/2017.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã P
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh